TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH Đ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:50/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 11 - 2019
"V*/v:Xin ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C –TỈNH Đ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quang Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân : 1/ Bà Nguyễn Thị Hoài Bão.

2/ Ông Nguyễn Văn Mạnh.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Vũ Đức Đuống – thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đ tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tuấn Ngọc, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2019/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019, về việc: "***Xin ly hôn***" . Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2019/QĐXX-ST, ngày 14/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Đ, sinh năm 1987 – *Có mặt*

Địa chỉ: Buôn B, xã C, huyện C, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, Sinh năm 1983- *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Buôn B, xã C, huyện C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn:*** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa chị Lê Thị Đ trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, chúng tôi có đăng ký kết hôn vào ngày 14/7/2015 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Q Sau T gian đầu chung sống hạnh phúc không vấn đề gì, nhưng vài năm trở lại đây giữa hai chúng tôi nảy sinh nhiều mâu thuẫn, xung đột trong cuộc sống vợ chồng và chúng tôi đã sống ly thân nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu xuất phát từ sự bất đồng

về quan điểm, lối sống và kinh tế. Mặc dù đã được hai bên gia đình và địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay tôi xác định không còn tình cảm, không còn tình yêu thương với nhau nữa, nên tôi có nguyện vọng được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 24/6/2014. Hiện tại cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng xin được nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về án phí: Tôi xin tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

**** Bị đơn:*** Tại bản tự khai và quá trình hòa giải anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và con chung, tài sản chung như phần trình bày của vợ là chị Lê Thị Đ là hoàn toàn đúng, tôi không bổ sung gì thêm.

Về tình cảm vợ chồng, tôi xác định trong T gian chung sống giữa chúng tôi cũng có một số mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân chủ yếu liên quan đến vấn đề kinh tế và hai vợ chồng cũng không hiểu nhau, nhưng thực tế mâu thuẫn giữa chúng tôi không có gì lớn, tôi xác định vẫn còn thương yêu vợ, không muốn gia đình đổ vỡ, sau này con cái sống thiếu tình thương yêu của bố mẹ. Vì vậy tôi không đồng ý ly hôn với vợ tôi.

Về con chung: Vợ chồng tôi có với nhau 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 24/6/2014. Hiện tại cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng xin được nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu vợ tôi cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi không có tài sản chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước T điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

***- Về tố tụng*:**

Đối với Thẩm phán: Đã tuân thủ đúng quy định về T hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tuân thủ đúng với các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đối với đương sự:

Nguyên đơn, bị đơn: đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; Điều 71 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn hợp pháp theo quy định của pháp luật. Quá trình duy trì cuộc sống hôn nhân, anh chị nảy sinh nhiều mâu thuẫn, kéo dài mà không có biện pháp hàn gắn hay ý thức khắc phục. Vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đ đối với anh T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 24/6/2014. Do cháu đang còn nhỏ nên cần giao cho chị Lê Thị Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn là anh Nguyễn Văn T mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt là phù hợp.

[2]. *Về quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung*: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở để xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn vào ngày 14/7/2015 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Q, hôn nhân của anh chị trên cơ sở tự nguyện, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình duy trì cuộc sống chung vợ chồng; giữa chị Lê Thị Đ và anh Nguyễn Văn T, thời gian gần đây nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng. Nguyên nhân theo chị Đ là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, hay bất đồng về quan điểm, lối sống và trong sinh hoạt. Nay chị Đ xác định không còn tình cảm và không còn thương yêu chồng nữa, mâu thuẫn giữa hai người đã kéo dài, không thể khắc phục được, có cố níu kéo cũng chỉ làm khổ nhau mà mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị Đ có nguyện vọng xin được ly hôn với anh T. Về phía anh T cũng thừa nhận, T gian qua giữa anh chị cũng có xảy ra một số mâu thuẫn. Tuy nhiên anh T xác định vẫn còn thương yêu vợ con nên không muốn gia đình đỗ vỡ, con cái sống

thiếu tình thương yêu của bố mẹ. Vì vậy quan điểm của anh T là không đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án,Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để hàn gắn tình cảm của anh chị nhưng không thành.

[4]Tại phiên tòa; Nguyên đơn chị Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và khẳng định không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh T, bởi mâu thuẫn giữa hai người là rất trầm trọng. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Đ và anh T đã rất trầm trọng và kéo dài. Trong T gian xảy ra mâu thuẫn, mặc dù đã được hai bên gia đình, chính quyền địa phương và Tòa án động viên, hòa giải nhiều lần nhưng anh chị vẫn không có ý thức để hàn gắn, khắc phục và duy trì cuộc sống hôn nhân. Vì vậy căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ là có căn cứ.

Về con chung: Anh chị có với nhau 01 con chung là Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 24/6/2014. Quá trình giải quyết cả chị Đ và anh T đều có nguyện vọng xin được nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại cháu N còn nhỏ, là con gái nên cháu cần sự gần gũi, quan tâm, chăm sóc của mẹ. Để đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu, cần thiết giao cháu Ngân cho chị Đ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đ không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[4]*Về án phí:* Chị Lê Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 227; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết 326/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Đ.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 24/6/2014 cho chị Lê Thị Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên bố mẹ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Nguyễn Văn T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản quyền này.

Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí LHST: Chị Lê Thị Đ phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2014/0014214, ngày 27/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM'gar, tỉnh ĐắkLắk.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong T hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể tứ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

*** *Nơi nhận:***
- *VKSND tỉnh Đ;*
- *TAND tỉnh Đ;*
- *VKSND huyện C*
- *CCTHA huyện C*
- *UBND xã B;*
- *Các đương sự;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Cảnh